

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
CÔNG VĂN ĐẾN	Số: 151... ngày 27/3/2020
	CHUYỂN
	Lãnh đạo CC.....
	Phòng..... VP Lãnh đạo SP
	Sao.....

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 08/ĐV/2020

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ

Tên tổ chức, cá nhân : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM ĐỨC VIỆT**

Địa chỉ: Thôn Liêu Hạ - Xã Tân Lập - Huyện Yên Mỹ - Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0221.3970 229/ 30 Fax: 0221.3970 231

Email: info@ducvietfoods.vn

Mã số doanh nghiệp: 0900214029

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 01/2019/NNPTNT-0321

Ngày cấp: 04/01/2019 thay thế giấy chứng nhận số 182/2016, ngày 05/01/2016.

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. **Tên sản phẩm:** Xúc xích Kielbasa

Xuất xứ: Việt Nam

2. **Thành phần:**

Thịt heo, mỡ heo, gia vị (muối, đường, tiêu, bột ớt), chất nhũ hóa (E450i, E452i), chất điều chỉnh độ axit (E262i), chất chống oxy hóa (E316), chất ổn định màu (E250).

Hướng dẫn bảo quản

60 ngày kể từ ngày sản xuất trong điều kiện nhiệt độ bảo quản từ 0 °C đến 4 °C

12 tháng kể từ ngày sản xuất trong điều kiện nhiệt độ bảo quản từ -20 °C đến -18 °C.

Chú ý: tránh ánh nắng trực tiếp.

Hướng dẫn sử dụng

- Hấp nóng, luộc hoặc rán (chiên) sản phẩm.

Lưu ý:

- Nếu sản phẩm đã cắt túi nên dán kín lại túi, bảo quản trong tủ lạnh và sử dụng hết trong 1 đến 2 ngày.

- Nếu sản phẩm đã cấp đông, phải rã đông trước khi chế biến.

- Sản phẩm đã rã đông thì không nên cấp đông lại.

- Khi chiên rán nên chiên rán nhỏ lửa.

3. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì**



Khối lượng tịnh của các túi bao gói: 50g/túi, 100g/ túi, 150g/ túi, 200g/túi, 250g/túi, 300g/túi, 350g/túi, 400g/túi, 450g/túi, 480g/túi, 500g/túi, 600g/túi, 800g/túi, 900g/túi, 1kg/túi, 2kg/túi, 5kg/túi,

Sản phẩm được bao gói trong túi nilon PA/ PE

4. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất)

Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần thực phẩm Đức Việt

Địa chỉ: Thôn Liêu Hạ, xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

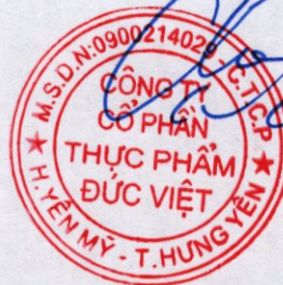
Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật số 55/2010/QH12 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2010 (luật an toàn thực phẩm).
- Nghị định 15/2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm
- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ban hành ngày 15 tháng 6 năm 2015 (hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm).
- Quyết định số 46/QĐ – BYT ban hành ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế (quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm).
- QCVN 8-3:2012/BYT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm).
- QCVN 8-2:2012/ BYT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm).
- Nghị định số 43/2017/NĐ - CP ban hành ngày 14 tháng 04 năm 2017 về nhãn hàng hóa.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công

Hưng Yên, ngày 20 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM ĐỨC VIỆT



TỔNG GIÁM ĐỐC
CHO NAM IL

Phụ lục 1 : DỰ THẢO TEM NHÃN

XÚC XÍCH KIELBASA

Kielbasa sausage

Thành phần:

Thịt heo, mỡ heo, gia vị (muối, đường, hạt tiêu, bột ớt), chất nhũ hóa (E450i, E452i), chất điều chỉnh độ axit (E262i), chất chống oxy hóa (E316), chất ổn định màu (E250).

Chỉ tiêu chất lượng

Protein: $\geq 14\%$

Lipit: $\leq 30\%$

Hướng dẫn sử dụng:

- Hấp nóng, luộc hoặc rán (chiên) sản phẩm.

Lưu ý:

- Nếu sản phẩm đã cắt túi nên dán kín lại túi, bảo quản trong tủ lạnh và sử dụng hết trong 1 - 2 ngày.
- Nếu sản phẩm cấp đông, phải được rã đông trước khi chế biến.
- Nếu sản phẩm đã rã đông thì không nên cấp đông lại.
- Khi chiên rán nên chiên rán nhỏ lửa.

Bảo quản:

Sản phẩm phải bảo quản ở nhiệt độ từ 0 °C đến 4 °C hoặc cấp đông ở nhiệt độ từ -18 °C đến -20 °C.

Chú ý: tránh ánh nắng trực tiếp.

NSX, HSD: Xem trên bao bì.

Khối lượng tịnh:

Sản xuất tại:

Công ty CP thực phẩm Đức Việt

Địa chỉ: Liêu Hạ - Tân Lập - Yên Mỹ - Hưng Yên

Tel: 0221.3970229/30 – Fax: 0221.3970231

Website: www.ducvietfoods.vn

Ingredients:

Pork meat, pork fat, spices (salt, sugar, pepper, chilli powder), emulsifiers (E450i, E452i), acidity regulator (E262i), antioxidant (E316), colour stabilizer (E250).

Nutrition facts:

Protein: $\geq 14\%$

Lipids: $\leq 30\%$

Preparation:

The product can be fried, steamed or boiled preferably.

Note:

- If the product is already open should seal the bag, store in the refrigerator and use out of the day.
- If the product is thawed, do not refreeze.
- If the product is frozen, thaw the product before processing.
- Should keep the heat on medium or low when fry.

Preservation:

Keep sealed package refrigerated (0 °C - 4 °C) or frozen (-18 °C to -20 °C).

Note: Avoid direct sunlight.

MFG, EXP: See stamp on the package.

Net weight:

Mã vạch



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 79/Labo XNATVSTP

Tên mẫu/Name of Sample: Xúc xích Kielbasa

Mã số/Code: 032079

Số lượng mẫu/Quantity: 200g/gói x 5 gói

Tình trạng mẫu/Conditional keeping: Mẫu đóng gói kín, bảo quản lạnh

Người/Đơn vị gửi mẫu/Customer: Công ty cổ phần Thực phẩm Đức Việt

Địa chỉ/ Add: Thôn Liêu Hạ, xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Ngày gửi mẫu/Date of receiving : 10/03/2020

Thời gian kiểm nghiệm/ Testing time: Từ 10/03/2020 đến ngày 20/03/2020

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM (Test Result)

TT	Chỉ tiêu(Specification)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp (Test method)	Kết quả (Result)
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,6
2.	Độ ẩm	%	HPP13	58,0
3.	Hàm lượng protein*	g/100g	AOAC 981:10	16,0
4.	Hàm lượng Lipid*	g/100g	TCVN 4592:88	19,2
5.	Hàm lượng muối	%	TCVN 4591:88	1,3
6.	Hàm lượng NH ₃	mg/100g	TCVN 3706:90	10,0
7.	Định tính H ₂ S	-	TCVN3699:90	Âm tính
8.	Hàm lượng Nitrit	mg/kg	H.HDQT.176	KPH
9.	Chì	mg/kg	AAS-H.HDQT.056	KPH
10.	Cadimi	mg/kg	AAS-H.HDQT.051	KPH
11.	Tổng số Ecoli*	CFU/g	TCVN 7924-2: 2008	KPH
12.	Tổng số vi khuẩn hiếu khí*	CFU/g	TCVN 4884:2005	72

1. Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không được sự đồng ý của Labo Xét nghiệm ATVSTP.

3. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS.

4. Không nhận khiếu nại kết quả kiểm nghiệm trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn mẫu lưu theo qui định.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

LABO XÉT NGHIỆM ATVSTP

Số 229 - Nguyễn Lương Bằng, TP Hải Dương

Điện thoại: 02203.892.638 Fax: 03203.891897

Website: www.lab-hmtu.vn

Email: Laboxnatvstp@hmtu.edu.vn

13.	Tổng số <i>coliforms</i> *	CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH
14.	Định lượng <i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	TCVN4991:2005	KPH
15.	Định lượng <i>Clostridium botulium</i>	CFU/g	TCVN 9049:2012	KPH
16.	Định lượng <i>Listeria monocytogenes</i>	CFU/g	52TCN- TQTP0002:2003	KPH
17.	Định lượng <i>Staphylococcus aureus</i> *	CFU/g	TCVN 4830-1:2005	KPH
18.	Phát hiện <i>Salmonella</i> *	/25g	TCVN 4829:2005	KPH

KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).

Hải Dương, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Labo XNATVSTP



LÃNH ĐẠO TRƯỜNG

ThS. Hoàng Thị Thu Huyền

PHO HIỆU TRƯỞNG
TS. Trần Quang Cảnh

1. Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không được sự đồng ý của Labo Xét nghiệm ATVSTP.
3. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS.
4. Không nhận khiếu nại kết quả kiểm nghiệm trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn mẫu lưu theo qui định.